TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THOẠI SƠN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 10/9/2019
V/v "Ly hôn, t/c về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hoài Lâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đức

2. Bà Diệp Thị Thu Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thanh Thúy – Là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang: Bà Bùi Phương Anh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 222/2019/TLST-HNGĐ ngày 21/5/2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 188/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/8/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 129/2019/QĐST-HNGĐ ngày 28/8/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lê Ngọc Đ, sinh năm 1964.

Địa chỉ: 64/c đường Nguyễn Du, khóm 1, thị trấn T, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Chị Phan Thị G, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Số 625 ấp V, xã V, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Nguyên đơn anh Đ có mặt. Bị đơn chị G vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn anh Lê Ngọc Đ trình bày:

Anh với chị Phan Thị G chung sống với nhau từ tháng 7 năm 1987, hôn nhân do mai mối, có tổ chức đám cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, cự cãi thường xuyên dẫn đến gia đình không

còn hạnh phúc, vợ chồng cũng đã cố gắng hàn gắn nhiều lần nhưng không thành. Nhận thấy không thể sống chung được với nhau nên anh đã quyết định sống ly thân từ năm 2009 cho đến nay. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, không hàn gắn được nên anh Đ yêu cầu giải quyết như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Ngọc Đ yêu cầu được ly hôn với chị Phan Thị G.

Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Thị Ngọc B sinh ngày 07/9/1988 (đã trưởng thành) và Lê Thị Ngọc H sinh ngày 13/12/2008 hiện đang sống với chị G. Sau ly hôn anh Đ đồng ý để chị G tiếp tục nuôi con, anh Đ không cấp dưỡng.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn anh Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

* Tại biên bản lấy lời khai chị Phan Thị G trình bày:

Chị và anh Lê Ngọc Đ chung sống với nhau từ năm 1987, hôn nhân do mai mối, có tổ chức đám cưới, không đăng ký kết hôn. Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 2 -3 năm thì trong một lần vợ chồng cãi nhau anh Đ bỏ đi, khoảng vài năm sau anh Đ có quay trở về và vợ chồng tiếp tục chung sống. Đến năm 2011 thì anh Đ có vợ nhỏ nên đã rời nhà đi cho đến nay. Trong quá trình đó anh Đ thỉnh thoảng cũng có về thăm con, vợ chồng cũng chính thức sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay ý kiến của chị G như sau:

Về hôn nhân: Không có ý kiến về việc ly hôn.

Về con chung: Thống nhất chị với anh G có 02 con chung tên Lê Thị Ngọc B sinh ngày 07/9/1988 (đã trưởng thành) và Lê Thị Ngọc H sinh ngày 13/12/2008 hiện đang sống với chị, nếu ly hôn chị G yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.

Chị G không yêu cầu về tài sản chung và nợ chung.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa:

Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự. Xác định đúng mối quan hệ pháp luật, thụ lý và giải quyết đúng theo quy định tại Điều 28, 35, 196 Bộ luật tố tụng dân sự. Thời hạn chuẩn bị xét xử đúng theo Điều 203 và Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Về chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về bị đơn; Do đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng áp dụng Điều 9, Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Lê Ngọc Đ và chị Phan Thị G.

- Về con chung: Giao con chung Lê Thị Ngọc H sinh ngày 13/12/2008 cho chị G được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Đương sự không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và nợ chung nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về xin ly hôn và nuôi con. Bị đơn chị Phan Thị G có địa chỉ cư trú tại ấp V, xã V, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn.

[2] Bị đơn chị Phan Thị G đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị G.

- Về nội dung:

[3] Anh Lê Ngọc Đ và chị Phan Thị G chung sống với nhau từ tháng 7 năm 1987, có tổ chức đám cưới nhưng đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 2-3 năm thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, cự cãi nhau thường xuyên dẫn đến anh Đ đã bỏ nhà đi và vợ chồng cũng chính thức sống ly thân từ năm 2011 cho đến nay. Tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý". Tại khoản 2 Điều 53 cũng quy định: "Trong trường hợp không có đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này". Như vậy mặc dù anh Đ và chị G đã chung sống với nhau một thời gian dài và đã có con

chung nhưng về mặt pháp luật không thừa nhận quan hệ giữa anh chị là vợ chồng nên việc anh Đ yêu cầu ly hôn với chị G là không phù hợp mà cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Lê Ngọc Đ và chị Phan Thị G.

[4] Về quan hệ con chung, thấy: Anh Đ và chị G thống nhất vợ chồng có 02 con chung tên Lê Thị Ngọc B sinh ngày 07/9/1988 (đã trưởng thành) và Lê Thị Ngọc H sinh ngày 13/12/2008 . Từ khi anh Đ và chị G sống ly thân cho đến nay cháu Ngọc H được chị G trực tiếp nuôi dưỡng. Mặt khác, cháu H cũng có nguyện vọng được sống với chị G sau khi cha mẹ ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ áp dụng Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cháu Lê Thị Ngọc H cho chị G tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

[5] Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội anh Đ là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 9, Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Lê Ngọc Đ và chị Phan Thị G.

- Về quan hệ con chung: Giao con chung Lê Thị Ngọc H sinh ngày 13/12/2008 cho chị Phan Thị G tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị G phải tạo điều kiện cho anh Đ được quyền đến thăm nom con, không ai được ngăn cản.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con hay việc cấp dưỡng nuôi con

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Ghi nhận không có nợ chung. Tuy nhiên sau khi bản án này có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì anh Lê Ngọc Đ và chị Phan Thị

G phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

2. Về án phí: Anh Lê Ngọc Đ phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000206 ngày 21/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, tỉnh An G nên đã nộp xong.

Anh Lê Ngọc Đ có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Phan Thị G có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã (thị trấn) nơi cư trú để yêu cầu xem xét phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An G;
- VKS huyện Thoại Sơn;
- Chi Cục THADS huyện Thoại Sơn;
- UBND xã V;
- Các đương sự
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Hoài Lâm